

# **SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM, QUAN ĐIỂM TỪ CƠ QUAN QUẢN LÝ**

**Hoàng Quốc Vượng**

**Thứ trưởng Bộ Công Thương**

## **TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM**

Nền kinh tế Việt Nam đã thay đổi nhanh chóng trong vài thập kỷ qua với việc chuyển từ một nền kinh tế nông nghiệp dựa trên các loại nhiên liệu sinh khối truyền thống sang một nền kinh tế sử dụng các dạng năng lượng tổng hợp và hiện đại. Tổng giá trị sản phẩm quốc nội (GDP) đầu người đã tăng 10 lần từ 114 USD năm 1990 đến 2109 USD vào năm 2015 như là một dấu mốc quan trọng đưa Việt Nam trở thành một quốc gia thu nhập trung bình.

Dầu thô, than đá, khí, thủy điện và năng lượng phi thương mại là những nguồn năng lượng được khai thác trong nước. Trong những năm gần đây, tổng năng lượng khai thác có xu hướng ổn định, chủ yếu là do sản lượng khai thác các sản phẩm thương mại không có sự đột biến lớn về lượng. Với mức độ tăng cao về nhu cầu năng lượng sơ cấp phục vụ cho phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh năng lượng, Việt Nam đã trở thành nước nhập khẩu tịnh năng lượng từ năm 2015.

Năm 2015, tổng cung cấp năng lượng sơ cấp của Việt Nam là 70,6 triệu tấn dầu quy đổi (TOE), trong đó năng lượng thương mại chiếm 75,5% và năng lượng phi thương mại chiếm 24,5% trong tổng tiêu thụ năng lượng sơ cấp. Tỷ lệ năng lượng sinh khối phi thương mại trong tổng cung cấp năng lượng sơ cấp giảm đáng kể từ 44,2% năm 2000 xuống 16,9% vào năm 2015. Tỷ lệ sụt giảm là do năng lượng sinh khối phi thương mại đã dần được thay thế bởi các dạng năng lượng thương mại. Sự chuyển dịch sang năng lượng hóa thạch đã và đang là nguyên nhân quan trọng cho việc tăng phát thải khí nhà kính.

Trong giai đoạn này, năng lượng thương mại tăng trưởng 9,5%/năm. Tốc

độ tăng trưởng này cao hơn mức tăng GDP của quốc gia trong cùng kỳ dẫn đến hệ số đàn hồi của năng lượng thương mại so với GDP lớn hơn 1. Trong các loại năng lượng thương mại, khí tự nhiên có tỷ lệ tăng cao nhất với 13,4%/năm. Tốc độ tăng trưởng của than, sản phẩm dầu và thủy điện trong cùng kỳ lần lượt là 12,2%, 6,2% và 27,6%/năm. Những động lực chính cho tăng trưởng tiêu thụ năng lượng ở Việt Nam được nhận dạng là tăng trưởng công nghiệp, sử dụng năng lượng dân dụng và mức độ cơ giới hóa trong giao thông.

Với những chính sách thích hợp trong bối cảnh biến động của thế giới, nhìn nhận mức độ đa dạng hóa nguồn cung năng lượng thông qua chỉ số HHI (Herfindahl – Hirschmann Index) và cân bằng cung – cầu năng lượng trong nước cho thấy an ninh năng lượng của Việt Nam đã tăng lên đáng kể trong giai đoạn vừa qua.

## **DỰ BÁO NHU CẦU NĂNG LƯỢNG**

### **Nhu cầu năng lượng tăng mạnh**

Theo kết quả nghiên cứu của Viện Năng lượng – Bộ Công Thương, dự báo về nhu cầu năng lượng cho thấy, đến năm 2035, tổng nhu cầu năng lượng cuối cùng tăng gần gấp 2,5 lần so với năm 2015. Năng lượng cuối cùng có thể tăng từ 54 triệu TOE ở năm 2015 lên đến khoảng 90 triệu TOE ở năm 2025. Năng lượng cuối cùng có thể đạt mức 134,5 triệu TOE vào năm 2035. Trong giai đoạn 2016 – 2025, năng lượng cuối cùng tăng khoảng 5,1%/năm và có xu hướng giảm xuống mức 4,2%/năm ở giai đoạn 2026 – 2035 phù hợp với mức tăng dần của tăng trưởng GDP và sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

### **Cường độ tiêu thụ năng lượng**

Trong cả giai đoạn 2016-2035, hệ số đàn hồi nhu cầu năng lượng cuối cùng so với GDP là 0,67 lần. Hệ số này có xu hướng giảm dần trong các giai đoạn 10 năm, ở giai đoạn 2016-2025 là 0,68 sau đó giảm xuống mức 0,64 cho giai đoạn 2026-2035.

Vào năm 2035, mức tiêu thụ năng lượng trong giao thông vận tải (chiếm tỷ trọng 27,5%) được dự báo sẽ gia tăng nhanh nhất (5,7%/năm), lĩnh vực công nghiệp (chiếm tỷ trọng 45,3%) có tốc độ tăng 5,0%/năm trong giai đoạn 2016-2035.

Dự báo cho thấy nhu cầu năng lượng tăng mạnh và một xu thế hợp lý về việc thay đổi trong cơ cấu nền kinh tế, sau một giai đoạn dài phát triển về chiều rộng, nền kinh tế trong những năm tới sẽ được phát triển theo chiều sâu, góp phần làm giảm cường độ năng lượng và hệ số đàn hồi nhu cầu năng lượng cuối cùng.

## **THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM**

Nhận diện những thách thức chủ yếu mà ngành năng lượng Việt Nam đã, đang và sẽ đối mặt như sau:

a) Hạn chế về nguồn cung năng lượng sơ cấp trong nước dẫn đến sự phụ thuộc ngày càng tăng vào nguồn nhiên liệu nhập khẩu, đặc biệt nhiên liệu cho phát điện. Khi Việt Nam trở thành quốc gia nhập khẩu tịnh năng lượng và tỷ trọng của năng lượng nhập khẩu trên tổng nguồn cung năng lượng sơ cấp tăng lên sẽ tác động lớn đến an ninh năng lượng quốc gia.

b) Tốc độ tăng cao nhu cầu năng lượng gây sức ép lên hạ tầng cơ sở ngành năng lượng, đòi hỏi vốn đầu tư lớn trong bối cảnh nợ công tăng cao và quá trình cổ phần hóa chưa thuận lợi.

c) Thách thức về các tác động môi trường của các hoạt động cung cấp năng lượng sẽ ngày càng gia tăng do nhu cầu năng lượng trong nước tăng nhanh, đi kèm với sự gia tăng nhanh chóng về tỷ trọng các nguồn nhiên liệu hóa thạch, đặc biệt là than trong cơ cấu nguồn cung năng lượng.

## **CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM**

### **Mục tiêu phát triển**

Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến 2020, tầm nhìn đến 2050 đề ra mục tiêu phấn đấu đảm bảo cung cấp đầy đủ năng lượng với chất lượng cao cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể, đến năm 2020 đạt khoảng 100 - 110 triệu TOE, đến năm 2025 khoảng 110 - 120 triệu TOE và đến năm 2050 khoảng 310 - 320 triệu TOE nguồn cung năng lượng.

Để đạt được các mục tiêu đề ra trong Chiến lược, phát triển ngành năng lượng theo quan điểm phát triển hài hòa các phân ngành năng lượng, đảm bảo an ninh cung cấp năng lượng, cụ thể:

- Ưu tiên than khai thác trong nước cho mục đích sản xuất điện, khoảng 80% sản lượng than trong nước dành cho phát điện, còn lại cho các nhu cầu công nghiệp, dân dụng khác và chỉ xuất khẩu hạn chế than chất lượng cao.

- Tăng cường tìm kiếm thăm dò để tăng trữ lượng và đưa vào khai thác khí đốt. Khoảng 80 % sản lượng khí đốt trong nước dùng cho sản xuất điện, 20 % còn lại cho các nhu cầu công nghiệp chế biến sâu, sản xuất phân đạm, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.

- Thúc đẩy phát triển các dạng năng lượng tái tạo, bao gồm: thủy điện vừa và nhỏ, năng lượng gió, mặt trời, sinh khối, khí sinh học, nhiên liệu sinh học. Thúc đẩy mạnh mẽ việc sử dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất điện, sản xuất nhiệt và nhiên liệu giao thông. Duy trì tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung cấp năng lượng sơ cấp ở trên mức 30% đến năm 2035.

### **Nhiệm vụ và giải pháp**

a) Tăng tỷ lệ các nguồn điện sử dụng nguồn năng lượng tái tạo bằng các giải pháp như: xây dựng các chương trình, cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật với các cơ chế khuyến khích phù hợp để đẩy nhanh phát triển nguồn điện sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, trong đó tập trung vào cơ chế giá hỗ trợ cho các dự án sử dụng năng lượng gió, mặt trời, sinh khối, địa nhiệt, ....

b) Thực hiện chính sách ưu đãi về tài chính và mở rộng hợp tác quốc tế để tăng cường công tác tìm kiếm thăm dò, nâng cao trữ lượng và khả năng khai thác than, dầu thô, khí đốt và năng lượng tái tạo, bảo đảm an ninh cung cấp nhiên liệu, năng lượng cho sản xuất điện, nhu cầu các ngành công nghiệp và dân dụng.

c) Triển khai chương trình trao đổi điện từ các nước láng giềng Lào, Campuchia và Trung Quốc. Nghiên cứu, thực hiện các giải pháp kỹ thuật nhập khẩu từ các nhà máy điện hoặc qua lưới điện; nghiên cứu liên kết lưới điện với các nước tiểu vùng Mê Kông GMS để tăng cường đa dạng hóa nguồn năng lượng.

d) Tạo nguồn vốn đầu tư phát triển: Đẩy mạnh cổ phần hóa, tăng cường huy động và đa dạng hóa nguồn vốn.

đ) Thực hiện giá bán điện, giá than, giá khí và giá các sản phẩm xăng dầu

theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, bảo đảm kết hợp hài hoà giữa các mục tiêu chính trị - kinh tế - xã hội của Nhà nước và mục tiêu sản xuất kinh doanh, tự chủ tài chính của các doanh nghiệp ngành năng lượng.

e) Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cùng với các giải pháp chuyển đổi thay thế nhiên liệu để đem lại lợi ích kinh tế, giảm phát thải khí nhà kính và cải thiện an ninh năng lượng quốc gia.

Năng lượng là yếu tố thiết yếu để đảm bảo phát triển kinh tế xã hội và cũng là một thành phần quan trọng trong phát triển bền vững. Do vậy, nhận diện các thách thức, xác định mục tiêu và thực thi đồng bộ các giải pháp phát triển ngành năng lượng Việt Nam nhằm góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội - môi trường mà Việt Nam đã đặt ra: Mục tiêu thiên niên kỷ, Chiến lược phát triển bền vững, Chiến lược tăng trưởng xanh và các Chương trình mục tiêu quốc gia khác.